

TẠO ĐỘNG LỰC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA THỜI KỲ MỚI

CAO THỊ PHƯƠNG*

Tạo động lực cho người lao động là một phần quan trọng, không thể thiếu của sự phát triển các nguồn lực quốc gia. Yêu cầu đặt ra đối với tạo động lực cho người lao động là xây dựng chiến lược, quy hoạch, giải pháp thích hợp và tập trung đủ các điều kiện cần thiết để xây dựng đội ngũ lao động mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đối với Việt Nam, là một nước đang phát triển có thu nhập trung bình, song lại tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức và kinh tế số, đòi hỏi phải xây dựng cho được đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Để đạt mục tiêu đó, cần có nhiều việc phải tiến hành đồng thời, trong đó tạo động lực cho người lao động là một trong những yếu tố quyết định.

Từ khóa: Tạo động lực; người lao động; công nghiệp hoá; hiện đại hóa; hội nhập quốc tế.

Motivating workers is an important and indispensable part of the development of national resources. The requirement for motivating workers is to develop appropriate strategies, planning, solutions and gather all the necessary conditions to build a strong workforce in both quantity and quality. For Vietnam, as a developing country with middle income, but industrialization and modernization, associated with the development of knowledge economy and digital economy, it is necessary to build a team of high-quality human resources. To achieve that goal, many things need to be done at the same time, in which motivating employees is one of the decisive factors.

Keywords: Motivation; workers; industrialization; modernization; international integration.

NGÀY NHẬN: 16/8/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/9/2023

NGÀY DUYỆT: 17/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.334.2023.693>

1. Đặt vấn đề

Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam với khâu đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn 2021 - 2030.

Do vậy, để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong giai đoạn tới, cần có sự thay đổi căn bản hệ thống quản trị nguồn nhân lực, đặc biệt là công tác tạo động lực cho người lao

động để đáp ứng các yêu cầu đề ra.

2. Thực tiễn về tạo động lực cho người lao động ở Việt Nam

Một là, công tác đào tạo, bồi dưỡng ngày càng được Việt Nam coi trọng.

Việt Nam đã mở rộng giáo dục bậc cao (đại học và sau đại học), trước hết là tăng số

* ThS, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

lượng các trường đại học, cao đẳng. Năm 2016, số trường đại học, cao đẳng cả nước có 412 trường, tính bình quân mỗi tỉnh, thành phố có khoảng 6,6 trường đại học, cao đẳng¹, tổng số sinh viên cả nước có khoảng 2.204.000 (tăng 143% so với năm 2008), đạt tỷ lệ khoảng 250 sinh viên/vạn dân. Trong đó, sinh viên đại học chiếm 66%, sinh viên cao đẳng chiếm 34%; nữ sinh chiếm 49,6%; số sinh viên học tập tại các trường công lập chiếm 85%, các trường ngoài công lập chiếm khoảng 15% tổng số sinh viên; sinh viên hệ chính quy là 1.962.000. Ngoài ra, có khoảng 80.000 lưu học sinh Việt Nam đang học tập tại gần 40 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới². Lực lượng đông đảo, được đào tạo ở những cơ sở uy tín đã và đang bổ sung cho nguồn lao động dồi dào có trình độ chuyên môn.

Từ năm 1980 - 2015, sau 24 đợt xét, tổng số lượt giáo sư, phó giáo sư đã được công nhận ở nước ta là 11.619, trong đó có 1.680 giáo sư và 9.939 phó giáo sư. Riêng năm 2016 có thêm 65 giáo sư và 638 phó giáo sư được công nhận³. Đội ngũ trí thức có trình độ chuyên môn học thuật cao hiện đang công tác, cống hiến trên các lĩnh vực, đặc biệt, họ tham gia vào hoạt động giáo dục và đào tạo ở các trường đại học, học viện và cao đẳng.

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế chính là cơ hội để Việt Nam nhìn nhận, đánh giá thực tiễn và đổi mới tư duy về vai trò của người lao động. Đội ngũ lao động có cơ hội được học tập và làm việc theo đúng sở trường của bản thân, các doanh nghiệp, tập đoàn và Nhà nước được tiếp nhận, lựa chọn người lao động có chuyên môn, trình độ cao hơn để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công việc trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

Hai là, môi trường làm việc của người lao động ngày càng được bảo đảm.

Môi trường thuận lợi, hiện đại và được bảo đảm cả vật chất và tinh thần. Vì thế, tạo

lập môi trường thuận lợi (lương, thưởng, chế độ đãi ngộ, mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau,...) luôn được chính quyền các cấp chú trọng, quan tâm, bao gồm: các chính sách, biện pháp nhằm đãi ngộ, khen thưởng, tôn vinh người lao động; ưu đãi, đãi ngộ nhà ở, chế độ tiền lương, tiền thưởng, thu nhập, thuế thu nhập cá nhân; chính sách hỗ trợ về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, cấp thị thực, cư trú đối với nhân tài Việt Nam ở nước ngoài trở về nước làm việc... Tính chung cả năm 2022, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 17 triệu người (chiếm 33,6%), tăng 724,6 nghìn người so với năm trước. Khu vực dịch vụ được ghi nhận có sự tăng lên mạnh và đạt 19,7 triệu người (chiếm 38,9%), tăng 1,1 triệu người so với năm trước. Lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức 13,9 triệu người, (chiếm 27,5%), giảm 352,7 nghìn người so với năm trước. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức của cả nước trong năm 2022 là 65,6%, giảm 2,9 điểm phần trăm so với năm trước. So với năm 2021, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức giảm ở cả khu vực thành thị và nông thôn, tỷ lệ này ở khu vực thành thị là 49,9% và khu vực nông thôn là 74,7%, giảm lần lượt là 2,1 điểm phần trăm và 3,2 điểm phần trăm⁴.

Ba là, thu nhập của người lao động.

Năm 2022, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 6,7 triệu đồng, tăng 927.000 đồng so với năm trước và tăng 759.000 đồng so với cùng kỳ năm 2019. Đặc biệt, trong năm 2022, thu nhập ở hầu hết các ngành kinh tế đều tăng⁵. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2022, chứng kiến sự tăng trưởng ở hầu hết các ngành kinh tế, kéo theo thu nhập của người lao động tăng ở cả ba khu vực kinh tế so với năm 2021, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng thu nhập cao nhất. Thu nhập của lao động làm việc trong khu vực

công nghiệp và xây dựng tăng mạnh nhất, tăng 17,6%, tương ứng tăng 1,1 triệu đồng/người/tháng; lao động làm việc trong ngành dịch vụ tăng 15,4%, tương ứng tăng 1 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân của lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 9,8%, tương ứng tăng 448.000 đồng so với cùng kỳ năm 2021⁶.

Quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã đặt ra cho Việt Nam những thách thức về đổi mới khoa học - công nghệ và sức cạnh tranh của nền kinh tế, người lao động Việt Nam đã nỗ lực không ngừng nghiên cứu phát minh, sáng tạo, sáng chế ra nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh..., góp phần đẩy mạnh tăng trưởng, phát triển kinh tế, thay đổi diện mạo xã hội, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân.

Bốn là, thu hút trí thức có trình độ cao ở nước ngoài về nước làm việc và sinh sống.

Hiện nay, Việt Nam có hơn 4,5 triệu người Việt sinh sống và làm việc tại trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có khoảng 300.000 trí thức. Lực lượng trí thức khoa học và công nghệ người Việt ở nước ngoài rất tiềm năng và có trong hầu hết các ngành, kể cả ngành kỹ thuật cao như vũ trụ, hàng không...⁷. Thực hiện khát vọng xây dựng nước Việt Nam cường thịnh, sánh vai với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam luôn coi trọng việc thu hút trí thức Việt kiều về sinh sống, học tập và làm việc trong nước. Với trí tuệ và khả năng của mình, trí thức Việt kiều có tầm ảnh hưởng to lớn, nhiều mặt tới sự phát triển của đất nước. Vì vậy, khi đánh giá về quá trình xây dựng, phát triển và đóng góp của trí thức, Đảng ta nhấn mạnh: “Đội ngũ trí thức đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước,

góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới”⁸.

3. Một số giải pháp tạo động lực cho người lao động

Thứ nhất, thống nhất nhận thức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội tầm quan trọng của việc tạo động lực cho người lao động trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong đó, huy động sức mạnh của các cơ quan báo chí, truyền thông, ngành Giáo dục và đào tạo trong việc phổ biến kiến thức khoa học, những thành tựu mới của khoa học, ý nghĩa của khoa học đối với sự phát triển kinh tế, chính trị - xã hội,... Tiếp tục nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị từ trung ương xuống đến địa phương, (nhất là những người trực tiếp làm công tác quản lý hoạt động khoa học, hoạt động giáo dục - đào tạo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao,...)

Để cống hiến được năng lực bản thân và cống hiến nhiều hơn cho Tổ quốc, người lao động cần chủ động tạo ra những điều kiện cần thiết để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đánh giá được năng lực bản thân nhằm phát huy thế mạnh.

Thứ hai, khơi dậy tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng cống hiến trong mỗi người dân Việt Nam, trong đó có những người lao động.

Phát huy dân chủ XHCN, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, cần tiếp tục đẩy mạnh gắn với công tác tuyên truyền, vận động đến người lao động về tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, từ đó xây dựng động lực khát khao cống hiến, góp phần dựng xây đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ ba, tạo động lực thông qua nhu cầu vật chất, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Tiền lương và tiền công (tùy thuộc người thụ hưởng có tư cách thế nào trong sở hữu tư liệu sản xuất) phải tăng lên. Đây là động lực quan trọng nhất, quyết định nhất và cũng bền bỉ nhất. Do đó, phải chú trọng đến tạo động lực đủ để người lao động bổ sung, làm giàu thêm tri thức, hiểu biết và kỹ năng lao động.

Thứ tư, tạo môi trường làm việc văn hóa, nhân văn, kích thích sáng tạo, đổi mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

Kiến tạo không gian văn hóa là tạo môi trường ở đó mỗi người lao động được tôn trọng, được phát huy tối đa cá tính (không ảnh hưởng người khác, không vi phạm đạo đức, pháp luật, nội quy), thời gian hưng phấn chiếm đa số trong ngày lao động; đồng thời cảnh quan, môi trường, khí hậu, sinh cảnh đảm bảo độ chuẩn sẽ kích thích tính sáng tạo, tính tìm tòi cái mới và dám phá bỏ cái cũ lạc hậu chuyển sang cái mới tốt tươi. Môi trường văn hóa sẽ quyết định năng suất, chất lượng, hiệu quả của hành vi lao động mỗi cá nhân. Động lực người lao động nảy sinh, xuất phát từ môi trường làm việc văn hóa.

Thứ năm, nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo lại người lao động.

Học tập trong một cơ sở đào tạo cụ thể sẽ tạo ra một lao động cụ thể. Tuy nhiên, bất kỳ trường học, cơ sở dạy nghề nào cũng là đào tạo con người. Sản phẩm đầu ra là người lao động. Do đó, mỗi người lao động bắt buộc phải có ba đức tính hay ba phẩm chất: *thế lực, trí lực và tâm lực*.

Thứ sáu, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng; coi trọng, tôn vinh những danh hiệu cao quý trên hai yếu tố sau:

(1) Việc mô tả vị trí làm việc của mỗi cá nhân luôn đặt trong tổng thể, thậm chí chính thể với những cá nhân khác. Lao động tập thể tạo nên tính nhìn nhau, học hỏi nhau và

tính vươn cao. Người lãnh đạo quản lý hay chủ doanh nghiệp cần xây dựng môi trường văn hóa thi đua chứ không ganh đua. Thi đua là một động lực khá mạnh của lao động sản xuất hay làm việc tập thể, làm việc nhóm.

(2) Chú trọng các danh hiệu và tôn vinh, suy tôn những người xuất sắc tiên phong, chim đầu đàn... Đó là phong tặng đúng, kịp thời chính xác để tôn vinh những: Nhà giáo Ưu tú, Nhà giáo Nhân dân; thầy thuốc Ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Chiến sĩ thi đua, Mẹ Việt Nam anh hùng, công dân ưu tú...

4. Kết luận

Người lao động cần động lực giống như cỗ máy cần nhiên liệu. Không thể làm việc, tạo ra sản phẩm tốt mà không có động lực hoặc động lực yếu. Nếu lao động cá nhân, đơn lẻ thì động lực bên trong có ý nghĩa quyết định. Lao động tập thể thì động lực bên ngoài ngày càng trở nên quan trọng. Người lãnh đạo, chủ doanh nghiệp cần phải có phương thức phù hợp, đặc thù tạo động lực cho người lao động, kể cả động lực bên trong và động lực bên ngoài, không có động lực hoặc động lực yếu thì người lao động “hành động” chứ không phải “lao động” theo đúng nghĩa □

Chú thích:

1. 225.000 cử nhân, thạc sĩ thất nghiệp: Hệ quả của mở trường đại học ồ ạt. <http://dantri.com.vn>, ngày 31/5/2016.

2. Cả nước có khoảng 2,2 triệu sinh viên. <http://vov.vn>, ngày 29/12/2013.

3. Cả nước có thêm 703 giáo sư, phó giáo sư. <http://tuoitre.vn>, ngày 05/11/2016.

4, 5, 6. Tổng cục Thống kê. Công bố tại buổi họp báo công bố tình hình lao động - việc làm quý 4 và năm 2022. Hà Nội, ngày 10/01/2023.

7. Làm sạch môi trường để hút trí thức Việt kiều. <http://www.tienphong.vn>, ngày 29/12/2016.

8. Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. <http://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 18/5/2011.